

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 31/3/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Th** – sinh năm 1964

Nơi thường trú: Số x, đường y, khu phố z, phường TTH, Quận k, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: l, Ấp PL, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Cao T** – sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp NL x, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Thị Minh C** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp NL x, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Trần Thị H – sinh năm 1930

Địa chỉ: Ấp NL x, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th, ông T, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Th trình bày:

Bà Th có quen biết ông T, bà C nên có cho vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), có viết “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021, thỏa thuận trả góp 05 năm không lãi suất, trả góp hàng ngày mỗi ngày 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) nhưng ông T, bà C chỉ trả được 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng), còn lại 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) thì không tiếp tục trả tiền. Bà Th thừa nhận việc “cầm nhà” ghi để làm tin chứ thực tế là nhà vẫn do ông T, bà C quản lý, sử dụng nên không yêu cầu đối với việc cầm nhà. Về nguồn gốc nhà, đất là do bà H (mẹ của ông T) có viết “Giấy cho đất” ngày 23/12/2012 cho đất đối với ông T, trên đất có căn nhà; đối với thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Th, ông T, bà C cũng không đi đăng ký kê khai thế chấp theo quy định. Do phía ông T, bà C không trả tiền nên bà Th khởi kiện yêu cầu ông T, bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay gốc là 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi. Đối với bà H không có trách nhiệm, nghĩa vụ với việc trả tiền vay, nên bà không yêu cầu gì đối với bà H.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Cao T trình bày:

Ông T thừa nhận việc vay tiền số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) của bà Th theo “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021, đồng ý cùng bà C có trách nhiệm thanh toán cho bà Th số tiền đã vay, thừa nhận chữ ký bà C xác nhận nợ là đúng sự thật, đối với bà H là mẹ ông T có cho đất theo “Giấy cho đất” ngày 23/12/2012 để xây nhà nhưng thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc “cầm nhà” ghi để làm tin và bà Th, ông T, bà C cũng không đi đăng ký kê khai thế chấp theo quy định. Đối với bà H không có trách nhiệm, nghĩa vụ gì trong vụ án.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà H là mẹ của ông T. Theo “Giấy cho đất” ngày 23/12/2012 thì bà cho đất đối với ông T, hiện nay trên đất có căn nhà; tuy nhiên đối với thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay thửa đất vẫn do bà quản lý, sử dụng. Việc ông T, bà C vay nợ của bà Th thì bà không biết và không ý kiến, yêu cầu gì; bà không có nghĩa vụ gì trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Minh C không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà Th, ông T, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu ông T, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Cao T có nơi cư trú tại xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Mai Thị Th khởi kiện yêu cầu ông T, bà C có nghĩa vụ trả bà Th số tiền đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Th là người khởi kiện ông T nên xác định tư cách đương sự bà Th là nguyên đơn, ông T là bị đơn; bà C là vợ của ông T và có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T trả tiền, bà H tuy không có trách nhiệm trả tiền nhưng sự việc các bên vay tiền theo “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021 có liên quan đến bà H nên xác định tư cách đương sự bà C, bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021 có thời hạn trả góp 05 năm không lãi suất đến ngày 22/10/2026, trả góp hàng ngày mỗi ngày 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); tuy nhiên do ông T, bà C chỉ trả được 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tương ứng 84 ngày, còn lại 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) thì không tiếp tục trả tiền góp nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đến ngày 01/11/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà Th, ông T, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Th khởi kiện yêu cầu ông T, bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay gốc là 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai.

Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu có chữ ký, chữ viết của bị đơn để tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết tại “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021. Tại Kết luận giám định số 784/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Chữ ký dạng chữ viết tại phần mục “Võ Thị Minh C” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết dùng làm mẫu so sánh là không đủ cơ sở kết luận do cùng một người ký, viết ra (chữ viết đơn giản; chữ ký thể hiện xa thời điểm cần giám định và ít đặc điểm cá biệt).

Tuy nhiên, căn cứ lời khai nhận của ông T và lời khai của bà H, đồng thời qua xác minh tại địa phương xác định ông T, bà C kinh doanh, làm ăn kinh tế chung, có đăng ký kết hôn; nên vẫn có căn cứ xác định việc ông T, bà C vay tiền bà Th tại “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021 là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà Th và lời khai thừa nhận của ông T.

Xét “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021 là giao dịch dân sự do các bên bà Th và ông T, bà C tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, ông T và bà C đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn bà Th khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bà H có cho đất ông T theo “Giấy cho đất” ngày 23/12/2012, trên đất có căn nhà; do thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên viết “Giấy cầm nhà” ngày 22/10/2021 để làm tin và không đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do bà H không có nghĩa vụ với việc trả tiền vay, vì vậy bà Th không yêu cầu đối với bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho đất và cầm nhà giữa các bên.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền gốc của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T, bà C phải chịu $(131.600.000đ \times 5\%) = 6.580.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị Th số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Th về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Cao T và bà Võ Thị Minh C có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Th số tiền nợ gốc 131.600.000đ (Một trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Ông Phạm Cao T và bà Võ Thị Minh C phải chịu 6.580.000đ (Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị Th số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002947 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng